

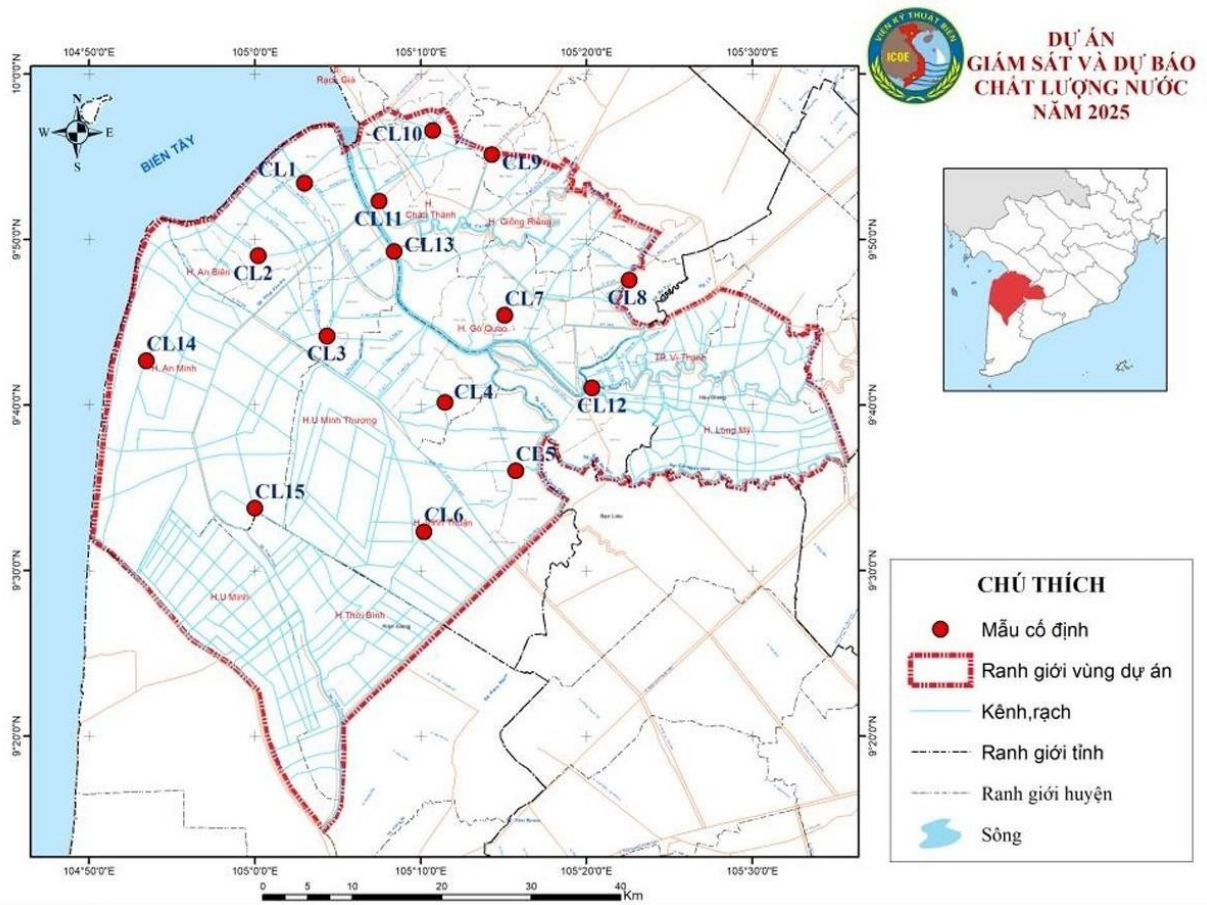
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2025

BẢN TIN TUẦN KỲ 2

“Đợt đo ngày 28/02/2025 dự báo từ ngày 14/3/2025 đến 20/3/2025”

1. Vị trí dự báo chất lượng nước từ ngày 14/3/2025 đến 20/3/2025

Nhiệm vụ quan trắc tại 15 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong Hình 1, và kết quả đo đạc được thể hiện trong Bảng 1.



Hình 1. Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

2. Dự báo chất lượng nước ngày 14/3/2025 đến 20/3/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: Độ mặn, DO, BOD₅, T-N từ ngày 14/3/2025 đến 20/3/2025 được thể hiện qua các Bảng 1 đến Bảng 4 như sau:

2.1. Độ mặn

Kết quả dự báo độ mặn từ 14/3/2025 đến 20/3/2025 với giá trị dao động trong khoảng 0,02÷27,15‰ (Bảng 1). Tại các vị trí CL4, CL5 và CL7÷CL13 có độ mặn trong khoảng từ 5‰ trở xuống, điểm CL13 độ mặn có xu hướng giảm so với kỳ trước đó. Người dân cần chú ý theo dõi độ mặn để có biện pháp lấy nước cho phù hợp với NTTS. Độ mặn cao nhất vào khoảng 26÷27‰ tại vị trí CL15 và CL14 (kênh Xẻo Nhàu giao kênh Chống Mỹ), đây là khu vực chuyên nuôi tôm quanh năm.

Bảng 1. Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 14/3/2025 đến 20/3/2025

Kí hiệu	Độ mặn dự báo (‰)								
	14/3	15/3	16/3	17/3	18/3	19/3	20/3	Min	Max
CL1	14,18	14,14	14,27	14,51	14,82	15,11	15,36	14,14	15,36
CL2	23,26	23,04	22,67	22,21	21,83	21,82	22,31	21,82	23,26
CL3	9,29	8,93	8,75	8,78	9,08	9,55	9,96	8,75	9,96
CL4	2,04	2,22	2,50	2,69	2,75	2,73	2,66	2,04	2,75
CL5	4,45	4,39	4,22	4,15	4,44	4,76	5,01	4,15	5,01
CL6	10,30	10,20	10,09	10,01	9,99	10,01	9,99	9,99	10,30
CL7	0,62	0,64	0,69	0,76	0,82	0,82	0,79	0,62	0,82
CL8	0,11	0,05	0,17	0,12	0,02	0,12	0,12	0,02	0,17
CL9	0,19	0,08	0,03	0,04	0,11	0,20	0,17	0,03	0,20
CL10	0,10	0,14	0,19	0,04	0,09	0,20	0,09	0,04	0,20
CL11	0,73	0,71	0,70	0,66	0,64	0,63	0,63	0,63	0,73
CL12	0,13	0,12	0,13	0,18	0,02	0,11	0,14	0,02	0,18
CL13	4,35	4,09	3,82	3,86	4,22	4,80	4,92	3,82	4,92
CL14	26,47	26,43	26,40	26,41	26,42	26,40	26,38	26,38	26,47
CL15	27,02	27,07	27,12	27,09	27,10	27,08	27,02	27,02	27,12
Ranh mặn	< 1‰	1‰ ÷ 4‰		> 4‰					

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Hàm lượng DO dự báo tương đối tốt, dao động từ 4,87÷6,17mg/l, hầu hết các vị trí đều đạt QCVN 08/2023 theo Mức A & B, đảm bảo cho bảo tồn động vật thủy sinh và NTTS. Tuy nhiên tại điểm CL3 và CL10, hàm lượng DO khá thấp, nên cần chú ý bổ sung DO bằng các biện pháp sục khí khi lấy nước vào các ao tôm (Bảng 2). Nhìn chung, hàm lượng DO có xu hướng tăng nhẹ so với kỳ trước đó, đặc biệt là tại điểm CL5, CL6 và CL15.

Bảng 2. Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 14/3/2025 đến 20/3/2025

Kí hiệu	DO dự báo (mgO ₂ /l)								
	14/3	15/3	16/3	17/3	18/3	19/3	20/3	Min	Max
CL1	5,41	5,37	5,18	5,08	5,14	5,20	5,21	5,08	5,41
CL2	6,06	6,04	6,00	5,96	5,96	5,99	6,01	5,96	6,06
CL3	5,18	5,19	5,14	5,08	5,01	4,94	4,87	4,87	5,19
CL4	5,93	5,94	5,95	5,95	5,94	5,94	5,94	5,93	5,95
CL5	6,10	6,12	6,12	6,12	6,14	6,16	6,17	6,10	6,17
CL6	6,03	6,03	6,02	6,01	6,01	6,00	6,00	6,00	6,03
CL7	5,10	5,14	5,23	5,25	5,20	5,16	5,14	5,10	5,25
CL8	5,97	5,97	5,99	6,01	6,02	6,01	6,00	5,97	6,02
CL9	6,01	5,98	5,98	5,99	6,00	6,01	6,01	5,98	6,01
CL10	5,18	5,19	5,14	5,08	5,01	4,94	4,87	4,87	5,19
CL11	5,47	5,55	5,51	5,22	5,10	5,13	5,19	5,10	5,55
CL12	5,92	5,92	5,91	5,91	5,91	5,91	5,92	5,91	5,92
CL13	5,93	5,93	5,93	5,93	5,94	5,95	5,95	5,93	5,95
CL14	5,63	5,63	5,66	5,72	5,76	5,74	5,71	5,63	5,76
CL15	5,98	5,99	6,00	6,00	6,00	6,00	5,99	5,98	6,00
QCVN08:2023 (Bảng 2)	Đạt mức A: ≥ 6,0			Đạt mức B: ≥ 5,0			Không đạt mức B: < 5,0		
Khuyến cáo	Từ ngày 14/03÷20/03/2025, nguồn nước trong HTTL CLCB có giá trị oxy hòa tan dự báo tại hầu hết các điểm giám sát đều đạt tiêu chuẩn CLN Mức A& B theo QCVN08:2023/BTNMT, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản. Riêng điểm CL3, CL10 có giá trị oxy hòa tan khá thấp nên người dân cần lưu ý khi nuôi trồng thủy sản.								

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo tại Hệ thống Công trình Thủy lợi CLCB dao động từ 8,06÷20,26mg/l. Giá trị BOD₅ tại hầu hết các điểm đều vượt mức B trong Bảng 2 (QCVN 08:2023), cho thấy chất lượng nước trong hệ thống đang bị ô nhiễm hữu cơ vượt quá khả năng làm sạch của nguồn nước. Tại vị trí CL3, CL4 (kênh Ngang), CL10 (kênh Xáng Giồng Riêng) và CL11 ô nhiễm hữu cơ ở mức cao nhất.

Bảng 3. Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 14/3/2025 đến 20/3/2025

Kí hiệu	BOD ₅ (mgO ₂ /l)								
	14/3	15/3	16/3	17/3	18/3	19/3	20/3	Min	Max
CL1	11,74	11,84	11,97	11,95	11,85	11,77	11,72	11,72	11,97
CL2	8,06	8,06	8,09	8,20	8,20	8,18	8,13	8,06	8,20
CL3	19,96	20,26	19,43	17,59	15,90	15,00	15,43	15,00	20,26
CL4	12,21	11,87	11,64	11,29	11,09	11,08	11,30	11,08	12,21
CL5	12,11	12,08	12,13	12,12	12,06	11,98	12,01	11,98	12,13
CL6	10,62	10,93	11,25	11,59	11,96	12,27	12,47	10,62	12,47
CL7	13,00	12,96	12,92	12,95	13,00	13,02	12,98	12,92	13,02
CL8	9,13	9,10	9,08	9,07	9,07	9,14	9,23	9,07	9,23
CL9	11,34	10,60	10,38	10,65	11,02	11,22	11,39	10,38	11,39
CL10	14,75	14,86	15,25	15,53	15,22	15,16	15,45	14,75	15,53
CL11	14,61	13,84	13,20	12,87	12,69	12,71	13,31	12,69	14,61
CL12	11,02	11,07	11,11	11,12	11,10	11,14	11,32	11,02	11,32
CL13	8,45	8,39	8,34	8,32	8,35	8,49	8,65	8,32	8,65
CL14	11,31	11,18	11,07	11,01	11,06	11,24	11,42	11,01	11,42
CL15	8,21	8,25	8,30	8,32	8,36	8,39	8,36	8,21	8,39
QCVN08:2023 (Bảng 2)	Đạt mức A: ≤ 4			Đạt mức B: ≤ 6			Không đạt mức B: > 6		
Khuyến cáo	Từ ngày 14/03÷20/03/2025, nguồn nước trong Hệ thống Công trình Thủy lợi CLCB có giá trị Oxy sinh hóa dự báo tại tất cả các điểm giám sát đều không đạt Mức B theo QCVN08:2023/BTNMT cho thấy nguồn nước tại khu vực này vẫn tiếp tục bị ô nhiễm hữu cơ khá cao.								

2.4. Ni tơ Tổng (T-N)

Kết quả tính toán dự báo cho thấy nồng độ tổng Nitơ được dự báo trong Hệ thống Công trình Thủy lợi CLCB dao động từ 1,35÷4,29mg/l. Hàm lượng Tổng Nitơ tại hầu hết vị trí vượt Mức B theo Bảng 2 - QCVN 08:2023. Hàm lượng T-N tại CL15 có xu hướng tang nhẹ. Tại các điểm CL3÷CL6, CL9, CL10 và CL11 hàm lượng T-N có giá trị lớn nhất, cần có biện pháp xử lý phù hợp khi sử dụng nguồn nước cho nuôi trồng thủy sản, SXNN.

Bảng 4. Giá trị dự báo T-N tại các điểm giám sát từ 14/3/2025 đến 20/3/2025

Kí hiệu	T-N (mg/l)								
	14/3	15/3	16/3	17/3	18/3	19/3	20/3	Min	Max
CL1	2,29	2,28	2,27	2,29	2,34	2,41	2,50	2,27	2,50
CL2	1,35	1,37	1,39	1,41	1,44	1,48	1,49	1,35	1,49
CL3	4,29	4,17	4,20	4,16	4,05	4,02	4,06	4,02	4,29
CL4	3,76	3,72	3,73	3,76	3,77	3,76	3,91	3,72	3,91
CL5	3,39	3,29	3,15	3,06	3,05	3,06	3,16	3,05	3,39
CL6	3,16	3,27	3,30	3,23	3,13	3,07	3,04	3,04	3,30
CL7	2,48	2,50	2,50	2,48	2,43	2,36	2,30	2,30	2,50
CL8	1,63	1,69	1,96	2,13	2,08	1,98	1,92	1,63	2,13
CL9	3,04	2,90	2,81	2,73	2,62	2,52	2,55	2,52	3,04
CL10	2,70	2,67	2,69	2,76	2,87	2,99	3,16	2,67	3,16
CL11	3,50	3,50	3,56	3,60	3,55	3,41	3,89	3,41	3,89
CL12	1,66	1,57	1,61	1,96	2,11	2,06	1,94	1,57	2,11
CL13	1,36	1,37	1,37	1,37	1,37	1,36	1,35	1,35	1,37
CL14	1,89	1,88	1,87	1,92	1,96	1,96	1,94	1,87	1,96
CL15	1,42	1,48	1,52	1,57	1,61	1,65	1,68	1,42	1,68
QCVN08:2023 (Bảng 2)	Đạt mức A: ≤ 0,6			Đạt mức B: ≤ 1,5			Không đạt mức B: > 1,5		
Khuyến cáo	Giá trị tổng Nitơ dự báo tại hầu hết các điểm giám sát đều không đạt Mức B (Bảng 2 - QCVN08:2023/BTNMT), cần hạn chế lấy nước cho mục đích tưới tiêu và hoạt động tương đương khác. Riêng điểm CL3, CL13 và CL3, có giá trị tổng Nitơ dự báo nằm trong ngưỡng Mức B, nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.								

Khuyến nghị chung:

- Theo kết quả đo nhanh tại hiện trường, tại các vị trí CL4, CL5 và CL7÷CL13 có độ mặn trong khoảng từ 5‰ trở xuống, điểm CL13 độ mặn có xu hướng giảm so với kỳ trước đó. Người dân cần chú ý theo dõi độ mặn để có biện pháp lấy nước cho phù hợp với NTTS. Độ mặn cao nhất vào khoảng 26÷27‰ tại vị trí CL15 và CL14. Về hàm lượng ô xy hòa tan trong nước (DO) ở mức tương đối tốt với giá trị dao động từ 4,87÷6,17mg/l, hàm lượng DO có giá trị tăng nhẹ tại các điểm CL6 và CL13. Nhìn chung, tại hầu hết các vị trí DO đều đạt Mức A & B (Bảng 2-QCVN 08/2023). Tuy nhiên tại điểm CL3 và CL10, hàm lượng DO khá thấp, nên cần chú ý bổ sung DO bằng các biện pháp sục khí khi lấy nước vào các ao tôm.
- Kết quả dự báo tại hầu hết các điểm giám sát đều cho thấy hàm lượng BOD5 không đạt Mức B (Bảng 2 - QCVN08:2023/BTNMT), cho thấy nguồn nước tại khu vực này vẫn tiếp tục bị ô nhiễm hữu cơ khá cao. Nhìn chung chất lượng nước trong hệ thống cơ bản vẫn đáp ứng cho mục đích NTTS và SXNN. Hàm lượng Tổng Nitơ (T-N) tại hầu hết vị trí đều không đạt Mức B (Bảng 2 - QCVN 08:2023), để đảm bảo sức khỏe cần hạn chế sử dụng nguồn nước vào nhu cầu sinh hoạt.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (đề b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (đề b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, CTTL các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (đề b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (đề b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB

